

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2024

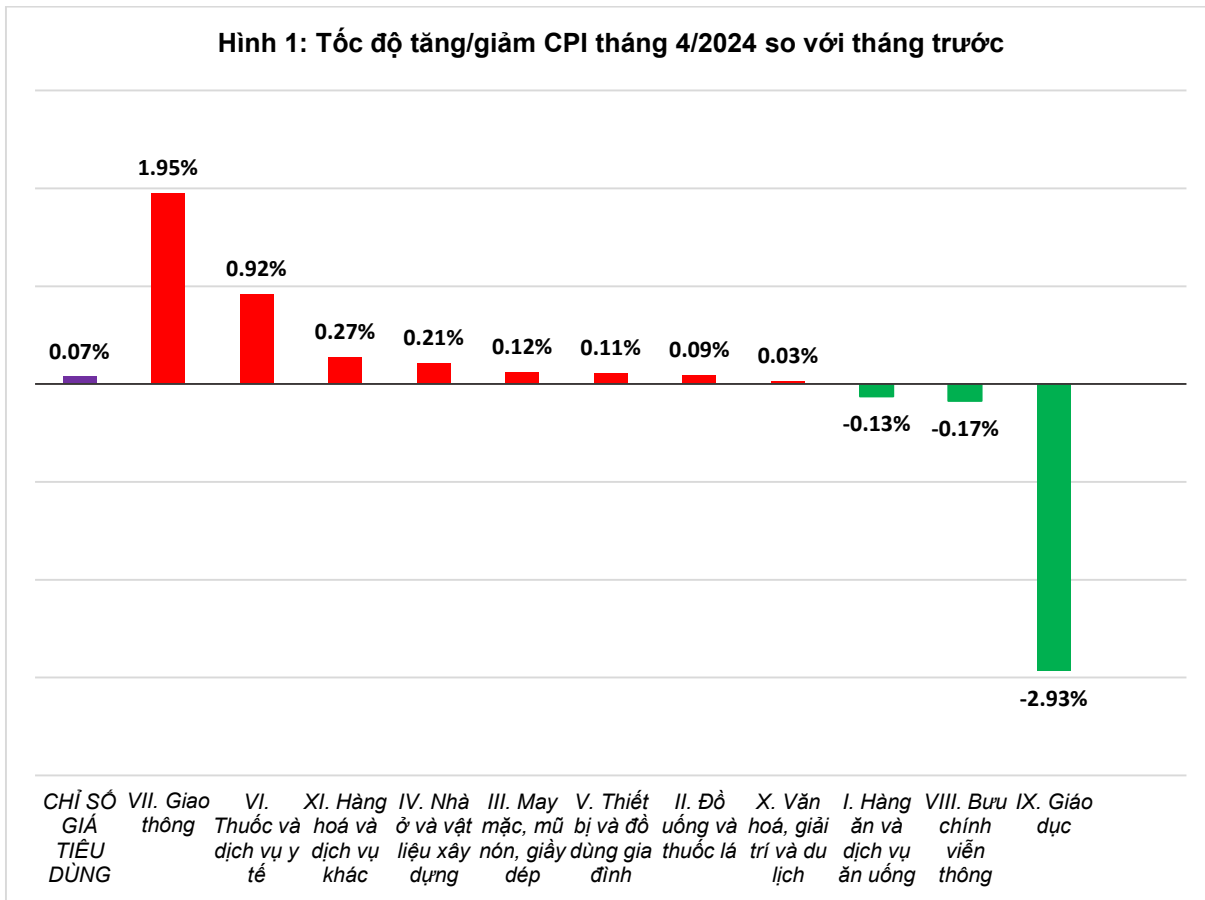
TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG GIÁ CẢ THÁNG TƯ VÀ 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Giá xăng dầu tăng theo giá nhiên liệu thế giới là nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4/2024 tăng 0,07% so với tháng trước. So với tháng 12/2023 CPI tháng Tư tăng 1,19% và so với cùng kỳ năm trước tăng 4,4%.

Bình quân 4 tháng đầu năm 2024, CPI tăng 3,93% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 2,81%.

I. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG THÁNG 4/2024

So với tháng trước, CPI tháng 4/2024 tăng 0,07% (khu vực thành thị tăng 0,07%; khu vực nông thôn tăng 0,08%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 08 nhóm hàng tăng giá so với tháng trước; 03 nhóm hàng giảm giá.



Diễn biến giá tiêu dùng tháng 4/2024 so với tháng trước của các nhóm hàng chính như sau:

1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (-0,13%)

Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tháng 4/2024 giảm 0,13% so với tháng trước, tác động làm CPI chung giảm 0,04 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá nhóm lương thực giảm 0,63%, góp phần giảm 0,02 điểm phần trăm; nhóm thực phẩm giảm 0,18%, góp phần giảm 0,04 điểm phần trăm; ăn uống ngoài gia đình tăng 0,21%, tác động tăng 0,02 điểm phần trăm.

1.1. Lương thực (-0,63%)

Chỉ số giá nhóm lương thực tháng 4/2024 giảm 0,63% so với tháng trước, trong đó chỉ số giá nhóm gạo giảm 0,76% (Gạo tẻ thường giảm 0,84%; gạo tẻ ngon giảm 0,51%; gạo nếp giảm 0,54%). Giá gạo trong nước giảm theo giá gạo xuất khẩu và các địa phương đang trong đợt thu hoạch vụ đông xuân nên nguồn cung gạo tăng.

Trong tháng, giá gạo tẻ thường dao động từ 14.900-18.700 đồng/kg; giá gạo Bắc Hương từ 20.400-23.700 đồng/kg; giá gạo tẻ ngon Nàng Thơm chợ Đào từ 22.200-24.000 đồng/kg; giá gạo nếp từ 27.000-41.200 đồng/kg.

Bên cạnh đó, giá khoai lang tháng Tư giảm 6,65% so với tháng trước; sắn giảm 0,27%.

Ở chiều ngược lại, giá các mặt hàng lương thực chế biến như giá bánh mì tháng Tư tăng 0,32% so với tháng trước; bột ngô tăng 0,18%; bún, bánh phở, bánh đa tăng 0,16%; mỳ sợi, mỳ, phở, cháo ăn liền tăng 0,12%; ngũ cốc ăn liền tăng 0,06%.

1.2. Thực phẩm (-0,18%)

Chỉ số giá nhóm thực phẩm tháng 4/2024 giảm 0,18% so với tháng trước, giảm chủ yếu ở một số mặt hàng sau:

- Giá thịt bò giảm 0,23% so tháng trước; thịt gà giảm 0,39%; trứng các loại giảm 2,76%; dầu mỡ động thực vật giảm 0,12% do nguồn cung được đảm bảo.

- Giá thủy sản tươi sống giảm 0,59% do thời tiết trong tháng thuận lợi cho việc đánh bắt của ngư dân.

- Giá quả tươi và chế biến giảm 1,67%, trong đó giá quả có múi giảm 0,56%; chuối giảm 1,24%; xoài giảm 3,57%; quả tươi khác giảm 1,93%.

Bên cạnh các mặt hàng giảm giá, một số mặt hàng trong tháng có giá tăng so với tháng trước:

- Giá thịt lợn tăng 0,49% làm CPI chung tăng 0,02 điểm phần trăm, trong đó khu vực thành thị tăng 0,16%; khu vực nông thôn tăng 0,72%. Theo đó, giá thịt quay, giò, chả tăng 0,16% so với tháng trước.

- Giá rau tươi, khô và chế biến tăng 0,16% do thời tiết nắng nóng gay gắt ở các địa phương phía Nam khiến nhiều diện tích hoa màu bị thiệt hại. Trong đó, bắp cải tăng 2,77% ; su hào tăng 1,14%; đỗ quả tươi tăng 2,29%; rau gia vị tươi khô các loại tăng 0,2%.

- Giá sữa, bơ, phô mai tăng 0,05%; giá chè, cà phê, ca cao tăng 0,31%.

1.3. Ăn uống ngoài gia đình (+0,21%)

Chỉ số giá nhóm ăn uống ngoài gia đình tháng 4/2024 tăng 0,21% so với tháng trước do giá nhân công phục vụ và chi phí thuê mặt bằng tăng. Trong đó, giá uống ngoài gia đình tăng 0,31%; ăn ngoài gia đình tăng 0,22%; đồ ăn nhanh mang đi tăng 0,12%.

2. Đồ uống và thuốc lá (+0,09%)

Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tháng 4/2024 tăng 0,09% so với tháng trước do thời tiết chuyển nắng nóng nên nhu cầu tiêu dùng đồ uống giải khát tăng, trong đó giá nước khoáng tăng 0,25%; nước quả ép tăng 0,12%; nước uống tăng lực đóng chai, lon tăng 0,07%. Rượu các loại và thuốc lá lần lượt tăng 0,14% và 0,1% so với tháng trước.

3. May mặc, mũ nón và giày dép (+0,12%)

Chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón và giày dép trong tháng tăng 0,12% so với tháng trước do nhu cầu tiêu dùng một số loại cho mùa hè tăng. Trong đó, giá dịch vụ giày dép tăng 0,38%; mũ nón tăng 0,17%; vải các loại tăng 0,16%; quần áo may sẵn tăng 0,13%; giày dép tăng 0,12%.

4. Nhà ở và vật liệu xây dựng (+0,21%)

Chỉ số giá nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tháng 4/2024 tăng 0,21% so với tháng trước, tác động làm CPI chung tăng 0,04 điểm phần trăm chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Giá điện sinh hoạt tăng 0,27%¹ do nhu cầu sử dụng điện tăng khi thời tiết nắng nóng gay gắt ở các địa phương phía Nam.

- Giá dầu hỏa tăng 1,35% trước do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá trong tháng.

- Giá thuê nhà tăng 0,41% do nhu cầu thuê nhà ở tăng.

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,29% do giá cát, thép tăng cao theo nhu cầu tiêu thụ.

- Ngoài ra, dịch vụ điện sinh hoạt tăng 0,86%, dịch vụ về nước sinh hoạt tăng 0,47%; dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 0,35% do chi phí nguyên vật liệu và chi phí nhân công tăng.

¹ Chỉ số giá điện sinh hoạt tháng 4/2024 phản ánh biến động trễ một tháng so với các mặt hàng khác do được tính dựa trên doanh thu và sản lượng tiêu dùng của tháng 3/2024.

Ở chiều ngược lại, giá gas trong tháng giảm 1,08% so với tháng trước do từ ngày 01/4/2024, giá gas trong nước điều chỉnh giảm khoảng 5.000 đồng/bình 12 kg sau khi giá gas thế giới giảm 18 USD/tấn so với tháng trước xuống mức 617,5 USD/tấn.

5. Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,11%)

Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng 4/2024 tăng 0,11% so với tháng trước. Trong đó, giá một số mặt hàng tăng: Giá máy hút bụi tăng 0,92% so với tháng trước; máy đánh trứng, trộn đa năng tăng 0,71%; điều hòa tăng 0,48%; tủ lạnh tăng 0,34%; dịch vụ sửa chữa thiết bị gia đình tăng 0,41%. Một số mặt hàng giảm giá so với tháng trước như: Trang thiết bị nhà bếp giảm 0,45%; máy giặt giảm 0,38%; bếp ga giảm 0,27%; đệm giảm 0,19%.

6. Thuốc và dịch vụ y tế (+0,92%)

Chỉ số giá thuốc và dịch vụ y tế tháng Tư tăng 0,92% so với tháng trước, nguyên nhân chủ yếu do thời tiết giao mùa, các loại vi rút gây bệnh sinh sôi, số ca viêm phổi, thủy đậu, tay chân miệng tăng nhanh nên người dân có nhu cầu mua các loại thuốc tăng cường hệ miễn dịch. Trong đó, giá nhóm thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm tăng 0,19%; nhóm thuốc chống dị ứng và các trường hợp quá mẫn cảm tăng 0,13%; nhóm thuốc tim mạch và một số mặt hàng khác tăng 0,07%.

7. Giao thông (+1,95%)

Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 4/2024 tăng 1,95% so với tháng trước làm CPI chung tăng 0,19 điểm phần trăm, chủ yếu do:

- Giá xăng trong nước tăng 4,78% tác động làm CPI chung tăng 0,17 điểm phần trăm; giá dầu diezen tăng 2,01% do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh giá trong tháng.

- Phí học bằng lái xe tăng 0,26%; giá dịch vụ bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 0,47%; dịch vụ trông giữ xe tăng 1,09% do nhu cầu cao.

- Giá vận tải hành khách bằng đường hàng không tăng 10,42%; đường thủy tăng 0,06%; đường bộ tăng 0,13%; xe buýt tăng 0,21% và taxi tăng 0,56% do giá xăng dầu tăng.

- Riêng giá xe ô tô mới giảm 0,24%; dịch vụ thuê ô tô, xe máy tự lái giảm 0,1%; dịch vụ giao nhận hành lý giảm 0,03%.

8. Bưu chính, viễn thông (-0,17%)

Chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông tháng 4/2024 giảm 0,17% so với tháng trước. Nguyên nhân chủ yếu do các doanh nghiệp thực hiện chương trình khuyến mại giảm giá đối với một số loại điện thoại di động mẫu mã cũ.

9. Giáo dục (-2,93%)

Chỉ số giá nhóm giáo dục tháng 4/2024 giảm 2,93% so với tháng trước, góp phần giảm CPI chung 0,18 điểm phần trăm, trong đó dịch vụ giáo dục giảm 3,32%². Nguyên nhân chủ yếu do ngày 31/12/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 97/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ, trong đó yêu cầu các địa phương giữ ổn định mức thu học phí từ năm học 2023-2024 bằng mức thu học phí của năm học 2021-2022 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, theo đó một số trường học đã điều chỉnh giảm mức học phí sau khi đã thu theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

10. Văn hóa, giải trí và du lịch (+0,03%)

Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tháng Tư tăng 0,03% so với tháng trước. Trong đó, giá dịch vụ du lịch trọn gói và nhà khách, khách sạn tăng 0,49% do nhu cầu du lịch trong nước tăng; hoa, cây cảnh giảm 1,26% do thời tiết thuận lợi, đang rộ mùa hoa nên giá hoa tươi giảm mạnh.

11. Hàng hóa và dịch vụ khác (+0,27%)

Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tháng 4/2024 tăng 0,27% so với tháng trước, chủ yếu do tăng giá các mặt hàng đồ dùng cá nhân (tăng 0,6%). Trong đó, giá đồ trang sức tăng 5,4% theo giá vàng trong nước; dịch vụ sửa chữa đồng hồ đeo tay, đồ trang sức tăng 0,42%; dịch vụ phục vụ cá nhân tăng 0,52%; dịch vụ hiếu hỉ tăng 0,12%.

12. Chỉ số giá vàng (+6,95%)

Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 25/4/2024, bình quân giá vàng thế giới ở mức 2.322,36 USD/ounce, tăng 8,54% so với tháng 3/2024 do căng thẳng địa chính trị leo thang ở Trung Đông thúc đẩy các nhà đầu tư tìm đến vàng như một kênh trú ẩn an toàn. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 4/2024 tăng 6,95% so với tháng trước; tăng 17,01% so với tháng 12/2023; tăng 28,62% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 4 tháng đầu năm 2024 tăng 20,75%.

13. Chỉ số giá đô la Mỹ (+1,2%)

Trên thế giới, giá đồng đô la Mỹ tăng do Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) chưa đưa ra thời gian cụ thể nới lỏng chính sách tiền tệ, giảm lãi suất nên giá trị đồng USD tăng cao. Tính đến ngày 25/4/2024, chỉ số đô la Mỹ trên thị trường quốc tế đạt mức 104,95 điểm, tăng 1,4% so với tháng trước. Trong nước, nhu cầu đô la Mỹ của các doanh nghiệp nhập khẩu nguyên nhiên vật liệu tăng, giá đô la

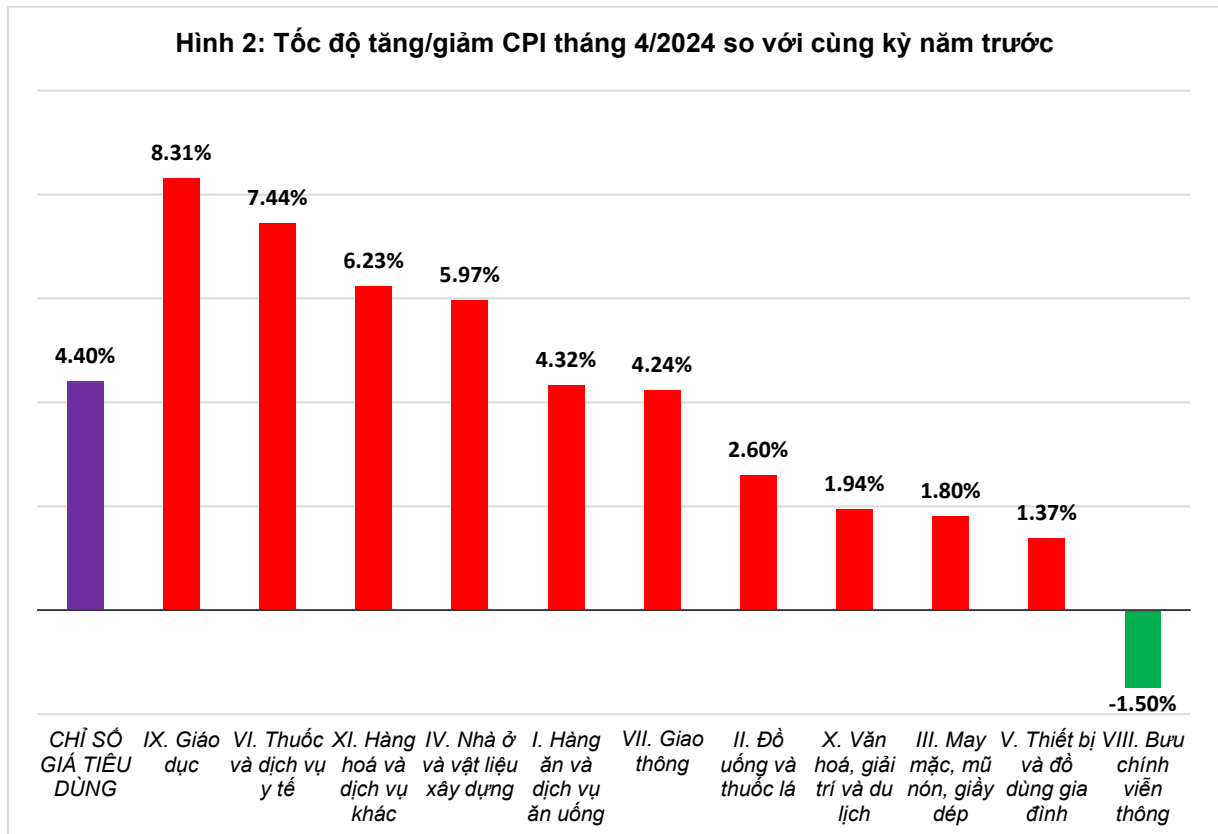
² Các địa phương có chỉ số giá dịch vụ giáo dục tháng 4/2024 giảm so với tháng trước: Hà Nội giảm 11,2%; Hòa Bình giảm 22,56%; Quảng Ninh giảm 6,64%; Nam Định giảm 22,42%; Ninh Thuận giảm 30,98%; Long An giảm 37,55%.

Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 25.120 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 4/2024 tăng 1,2% so với tháng trước; tăng 3,03% so với tháng 12/2023; tăng 6,51% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 4 tháng đầu năm 2024 tăng 4,6%.

Bảng 1. Tốc độ tăng/giảm CPI tháng Tư từ năm 2020 đến năm 2024

	<i>Đơn vị tính: %</i>				
	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
CPI tháng 4 so với tháng trước	-1,54	-0,04	0,18	-0,34	0,07
CPI tháng 4 so với cùng kỳ năm trước	2,93	2,70	2,64	2,81	4,40
CPI tháng 4 so với tháng 12 năm trước	-1,21	1,27	2,09	0,39	1,19
CPI bình quân 4 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước	4,90	0,89	2,10	3,84	3,93

So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 4/2024 tăng 4,4%. Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính có 10 nhóm tăng giá và 01 nhóm giảm giá.



Các nhóm hàng có chỉ số giá tháng 4/2024 tăng so với cùng kỳ năm trước:

- Nhóm giáo dục tăng cao nhất với 8,31% làm CPI chung tăng 0,51 điểm phần trăm do trong năm học 2023-2024 một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tăng mức học phí theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 7,44%, làm CPI chung tăng 0,4 điểm phần trăm do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT của Bộ Y tế từ ngày 17/11/2023.

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 6,23%, trong đó lệ phí công chứng, bảo hiểm và dịch vụ khác tăng 12,59%; dịch vụ phục vụ cá nhân tăng 7,81%; dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 5,37%; dịch vụ về hiếu hỉ tăng 2,65%.

- Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 5,97% tác động làm CPI chung tăng 1,12 điểm phần trăm do giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở và giá nhà ở thuê tăng.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,32%, tác động làm CPI chung tăng 1,45 điểm phần trăm, trong đó nhóm lương thực tăng 15,45%; ăn uống ngoài gia đình tăng 4,37%; thực phẩm tăng 2,49%.

- Nhóm giao thông tăng 4,24% làm CPI chung tăng 0,41 điểm phần trăm, trong đó dịch vụ giao thông công cộng tăng 49,75%, bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 4,81%; xăng dầu tăng 5,32%.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 2,6%, tác động làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm, chủ yếu do giá nguyên liệu sản xuất đồ uống, chi phí vận chuyển tăng.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,94% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 0,09 điểm phần trăm.

Riêng chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông tháng 4/2024 giảm 1,5% so với cùng kỳ năm trước do giá điện thoại thể hệ cũ giảm.

So với tháng 12/2023, CPI tháng Tư tăng 1,19%, trong đó có 09 nhóm hàng tăng giá và 02 nhóm giảm giá.

Các nhóm hàng tăng giá:

- Nhóm giao thông tăng cao nhất với mức tăng 5,49% so với tháng 12/2023, trong đó chỉ số giá xăng dầu tăng 11,63% do các đợt điều chỉnh giá từ tháng 01/2024 đến nay, làm cho giá xăng A95 tăng 2.770 đồng/lít; giá xăng E5 tăng 2.730 đồng/lít; giá dầu diezen tăng 930 đồng/lít.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 1,99% chủ yếu do một số mặt hàng thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm, thuốc dùng cho đường hô hấp tăng giá.

- Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 1,5% chủ yếu do giá cát tăng khi thiếu nguồn cung và giá thép tăng do nhu cầu tiêu dùng tăng lên; chỉ số giá nước sinh hoạt tăng 3,38%; điện sinh hoạt tăng 2,84%; gas tăng 2,19%; vật liệu bảo dưỡng nhà ở chính tăng 1,69%.

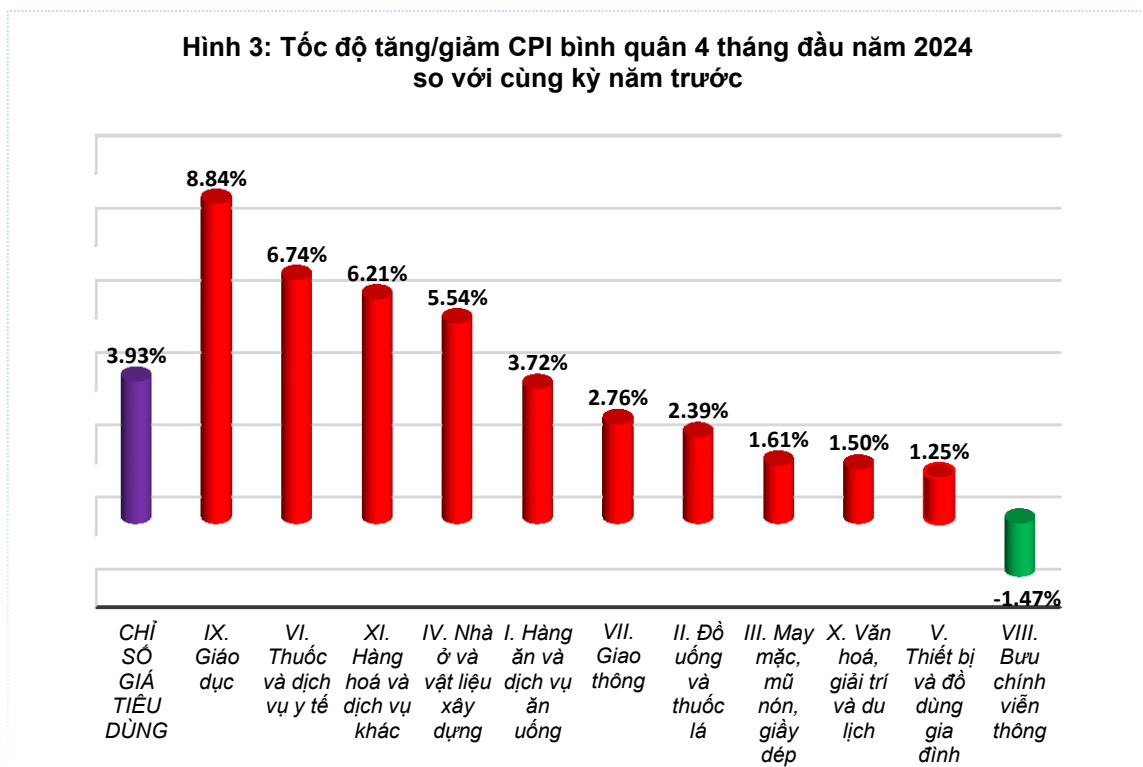
- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 1,52% do giá nhóm đồ trang sức tăng theo giá vàng thế giới, các dịch vụ về cưới hỏi, dịch vụ chăm sóc cá nhân tăng.
- Nhóm đồ uống, thuốc lá tăng 1,2% do nhu cầu tiêu dùng tăng cao.
- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,03% do giá lương thực, thực phẩm và ăn uống ngoài gia đình tăng.
- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,8% do nhu cầu du xuân tăng.
- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,51% do nhu cầu sử dụng tăng.
- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,45%, trong đó dịch vụ giày dép tăng 2,9%; dịch vụ may mặc tăng 1,18%; giày dép tăng 0,51%; may mặc khác tăng 0,5%.

Ở chiều ngược lại, có 02 nhóm hàng giảm giá:

- Nhóm giáo dục giảm 3,74% so với tháng 12/2023 do thực hiện Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ, một số địa phương đã điều chỉnh giảm mức học phí sau khi đã thu theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.
- Nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,4% do một số mặt hàng điện thoại thông minh mẫu cũ giảm giá.

II. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 4 tháng đầu năm 2024 tăng 3,93% so với cùng kỳ năm 2023.



1. Yếu tố làm tăng CPI 4 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

- Chỉ số giá nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 5,54% tác động làm CPI tăng 1,04 điểm phần trăm, do giá xi măng, sắt, thép, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào và giá thuê nhà ở tăng cao.

- Chỉ số giá nhóm giáo dục 4 tháng đầu năm tăng 8,84% do trong năm học 2023-2024 một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã tăng mức học phí, làm CPI chung tăng 0,55 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 6,74%, làm CPI chung tăng 0,36 điểm phần trăm do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT của Bộ Y tế từ ngày 17/11/2023.

- Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,5%, góp phần làm CPI chung tăng 0,07 điểm phần trăm.

2. Yếu tố làm giảm CPI 4 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước

Chỉ số giá nhóm bưu chính, viễn thông 4 tháng đầu năm 2024 giảm 1,47% so với cùng kỳ năm trước do giá điện thoại thể hệ cũ giảm khi các doanh nghiệp áp dụng chương trình giảm giá, kích cầu đối với các dòng điện thoại thông minh đưa ra thị trường sau một thời gian.

III. LẠM PHÁT CƠ BẢN

Lạm phát cơ bản³ tháng 4/2024 tăng 0,17% so với tháng trước và tăng 2,79% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 4 tháng đầu năm 2024, lạm phát cơ bản tăng 2,81% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3,93%), chủ yếu do giá lương thực, xăng dầu và giá dịch vụ y tế là yếu tố tác động tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính toán lạm phát cơ bản.

Bảng 2. Lạm phát cơ bản tháng Tư từ năm 2020 đến năm 2024

	<i>Đơn vị tính: %</i>				
	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Lạm phát cơ bản tháng 4 so với tháng trước	-0,15	0,07	0,44	0,13	0,17
Lạm phát cơ bản tháng 4 so với cùng kỳ năm trước	2,71	0,95	1,47	4,56	2,79
Lạm phát cơ bản 4 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước	2,96	0,74	0,97	4,90	2,81

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

³ CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục.